

UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS MƯỜNG TÙNG
Số: 17 /QĐ-TrTH&THCSMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Mường Tùng, ngày 10 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số:192/TB-PGD&ĐT ngày 7 tháng 3 năm 2025 của PGD&ĐT huyện Mường Chà V/v thông báo Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- PGD&ĐT;
- Website THCS;
- Lưu KT, VT.



Đỗ Văn Hùng

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 17 /QĐ-TrTH&THCSMT ngày 10/3/2025 của trường PTDTBT TH&THCS
Mường Tù)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu			
1	Số thu phí, lệ phí			
1.1	Lệ phí			
1.2	Phí			
	Học phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác			
B	Chi từ nguồn thu được để lại			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp Sự nghiệp Giáo dục			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
1.1	Lệ phí			
1.2	Phí			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	14.990,058	14.990,058	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.248,427	10.248,427	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.741,631	4.741,631	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
11	Chi Chương trình mục tiêu			
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
2	Chi Chương trình mục tiêu			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)			